TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 793/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 517/2024/TLST–DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 837/2024/QĐXXST–DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 691/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982
Địa chỉ: 3 Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1994
Địa chỉ: B Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 14/10/2022 ông Nguyễn Thanh V cùng với bà Nguyễn Thị Ngọc B có thỏa thuận ký kết Hợp đồng vay tiền với nội dung bà B có vay của ông V số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/10/2023. Cùng ngày 14/10/2022, các bên đã thực hiện việc giao nhận đủ số tiền vay nêu trên. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh

toán thì bà B đã không hoàn trả cho ông V số tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Ông V đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán toàn bộ số tiền nợ thì bà B cố tình tránh né không trả.

Nay ông Nguyễn Thanh V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho ông V số tiền gốc còn nợ là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi.

Ông Nguyễn Thanh V có vợ là bà Trần Thị T, đăng ký kết hôn ngày 28/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền ông V cho bà B vay là tiền riêng của ông V.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà B vẫn vắng mặt, không rõ lý do; bà B cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho ông V số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi. Đồng thời xác định số tiền ông V cho bà B vay là tiền riêng của ông V.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B thanh toán cho ông Nguyễn Thanh V số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B trả số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa các bên. Theo kết quả xác minh của Công an xã B thì bị đơn có đăng ký thường trú tại B Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, đúng địa chỉ ghi trong Hợp đồng hai bên ký kết. Căn

cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về thủ tục tố tụng:

[3.1]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3.2]. Bà Trần Thị T là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Thanh V xác định số tiền ông V sử dụng để cho bà Nguyễn Thị Ngọc B vay là tài sản riêng của ông V. Do đó, Toà án không đưa bà T vào tham gia tố tụng vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2022 được ký kết giữa bên cho vay ông Nguyễn Thanh V với bên vay bà Nguyễn Thị Ngọc B; Căn cứ Kết luận giám định số 4237/1/KL-KTHS ngày 13/8/2024 và Kết luận giám định số 4237/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của bên vay trong Hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2022 là của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Do đó, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Ngọc B có vay của ông Nguyễn Thanh V số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/10/2023.

Nội dung hợp đồng vay tiền thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2]. Theo nội dung được ghi nhận trong hợp đồng thì ông V đã giao và bà B đã nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Đồng thời, các bên thỏa thuận bà B sẽ thanh toán tiền lãi hàng tháng cho ông V và hoàn trả đủ tiền gốc cho ông V vào ngày 14/10/2023.

Như vậy, ông V đã hoàn thành nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đến hạn mà bà B không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán số tiền nợ 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3]. Mặc dù, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng tương đương 36%/năm là cao hơn so với mức lãi suất quy định là 20%/năm, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà B chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho ông V theo thỏa thuận nên không làm phát sinh việc trả tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định.

Mặt khác, nguyên đơn ông V không yêu cầu bà B phải trả tiền lãi trên nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà B không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà B chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền nợ của Hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2022 là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 357, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền nợ của Hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2022 là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004142 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sủa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- CCTHADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương